

Nghiên cứu phương pháp thẩm định giá đất và công nghệ Blockchain trong công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư

*Sinh viên: Phạm Hải An,
K61 Quản lý đất đai
GVHD: PGS.TS. Mẫn Quang Huy,
Khoa Địa Lý*

Phương pháp thẩm định giá đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới để thẩm định giá trị tài sản cho các mục tiêu quản lý, tuy nhiên các phương pháp này chưa được áp dụng phổ biến trong công tác quản lý ở Việt Nam. Đề tài tập trung nghiên cứu các phương pháp này cho công tác thẩm định giá đất ở Việt Nam và chỉ ra sự khác biệt với công tác định giá đất, qua đó xác định tính ưu việt của thẩm định giá đất đối với công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Nghiên cứu cũng tìm hiểu áp dụng công nghệ Blockchain trong hỗ trợ xây dựng và bảo mật cơ sở dữ liệu về đất đai giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác thẩm định giá. Thử nghiệm của đề tài được triển khai tại huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình trong công tác thẩm định giá đất phục vụ cho việc thu hồi đất để thực hiện dự án Quy hoạch khu dân cư, đấu giá quyền sử dụng đất. Các đề xuất ứng dụng phương pháp thẩm định giá đất kết hợp công nghệ Blockchain trong công tác quản lý nhà nước về đất đai tại Việt Nam.

Từ khóa: Định giá đất; thẩm định giá đất; công nghệ Blockchain; quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Research on methods of valuation for land and Block chain technology in the management of compensation, supporting resettlement

*Student: Pham Hai An,
K61 Land management
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Man Quang Huy, Faculty of Geography*

The valuation method has been widely used in many countries around the world to appraise the value of assets for management goals, but these methods have not been commonly applied in management in Vietnam. The study focuses on applying these methods to land valuation in Vietnam and indicates the differences with land valuation, thereby determining the superiority of land valuation for the management of compensation, supporting resettlement when the state upon land acquisition. The study also identifies the application of Block chain technology that will assist in building and securing a database of land that helps solve problems in valuation. Empirical research of the study was conducted in the land valuation for land acquisition to implement the project of residential area planning, auction of land use right in Lac Son, Hoa Binh. Proposals apply land valuation method and Block chain technology in state management of land in Vietnam.

Keywords: land pricing; land valuation; Block chain technology; managements of compensation, supporting and resettlement upon land acquisition



Nghiên cứu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển đoạn Sơn Trà - Cửa Đại

*Sinh viên: Đỗ Thị Ngọc Ánh,
K62 Địa lý
Nguyễn Thị Diệu Linh,
K62 Địa lý
GVHD: TS. Đặng Kinh Bắc,
Khoa Địa lý*

Tiếp cận biển là quyền cơ bản của người dân và được nhà nước đảm bảo thông qua “Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo 2015”. Trong những năm trở lại đây, hoạt động phát triển

du lịch tại các khu nghỉ dưỡng đang hạn chế đáng kể quyền tiếp cận của người dân Sơn Trà - Cửa Đại tới biển. Nhằm đảm bảo quyền này, đồng thời hài hòa với công tác phát triển kinh tế ven biển, nghiên cứu hướng tới thành lập ma trận hướng dẫn sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển hợp lý. Kết quả cũng cho thấy khu du lịch sát biển đoạn Sơn Trà - Cửa Đại được xây dựng gần 1/4 chiều dài đoạn bờ, trong khi đó rừng phòng hộ ven bờ biển gần như là không còn. Điều đó gây mất cân bằng sinh thái, các rủi ro, tổn thương vùng biển ngày càng sâu sắc, khó lường. Trên cơ sở đó, kết quả nghiên cứu sẽ giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển đặc biệt là khu vực có hoạt động du lịch sôi động.

Từ khóa: Tiếp cận tới biển, xói lở, du lịch, Quảng Nam, Đà Nẵng.

A research to establish setback zone at Son Tra – Cua Dai coastal parts

*Student(s): Do Thi Ngoc Anh,
K62 Geography
Nguyen Thi Dieu Linh,
K62 Geography
Supervisor: Dr. Dang Kinh Bac,
Faculty of Geography*

Beach accessibility is a basic human right and guaranteed by the state through the “Law on Marine and Island Resources and Environment 2015”. In recent years, the development of the tourism activities at resorts are significantly restricting the rights to access the beach in Son Tra – Cua Dai. In order to ensure this human right, in harmony with the development of coastal economy, the student aims to establish an optimal matrix to use setback zone. The results showed that the Son Tra – Cua Dai tourist area accounts for nearly a quarter of the coastline, while the coastal protection forest is almost disappearing. It causes increased ecological imbalance and risks and damage of unpredictable natural hazards. Accordingly, these results help managers and policy makers setting up setback zones, especially in dynamic tourism destinations.

Keywords: Beach accessibility, Erosion, Tourism, Quang Nam, Da Nang.



Nghiên cứu nguy cơ ngập lụt và ước tính thiệt hại với sự hỗ trợ của viễn thám và hệ thống tin địa lý tại khu vực hạ lưu sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi

*Sinh viên: Đỗ Thị Ngọc Ánh,
K62 Địa lý Tự nhiên
Bùi Thu Hương, K62 Địa lý Tự nhiên
Nguyễn Tuấn Anh, K62 Địa lý Tự nhiên
GVHD: ThS. Dư Vũ Việt Quân,
TS. Nguyễn Hữu Duy*

Lưu vực sông Trà Khúc của tỉnh Quảng Ngãi là một trong những khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi lũ lụt, gây ra nhiều thiệt hại về cuộc sống và tài sản của con người. Với sự phát triển đô thị hóa nhanh chóng, khu vực này phải đối mặt với sự khan hiếm đất, do đó không ngăn ngại đô thị hóa đất nông nghiệp nằm ở vùng đồng bằng có nguy cơ cao, điều này làm tăng tính dễ bị tổn thương của cộng đồng dân cư trước nguy cơ lũ lụt. Mục tiêu của báo cáo này là xác định khu vực có nguy cơ cao cũng như ước tính thiệt hại do lũ lụt phục vụ quy hoạch sử dụng đất tại khu vực. Để đạt được mục tiêu này, báo cáo sử dụng 2 phương pháp chính: Phương pháp thu thập số liệu và phương pháp viễn thám, hệ thống thông tin địa lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố

của các mức nguy cơ ngập lụt trên địa bàn và diện tích các loại hình lớp phủ tương ứng giúp cho các nhà quy hoạch đưa ra chiến lược sử dụng đất phù hợp.

Từ khóa: phân loại lớp phủ mặt đất, nguy cơ ngập lụt, Trà Khúc

Research on flood risks and estimate damage with the support of remote sensing and geographic information system in the downstream area of Tra Khuc River, Quang Ngai Province

*Student(s): Do Thi Ngoc Anh,
K62 Geography*

Bui Thu Huong, K62 Geography

*Nguyen Tuan Anh, K62 Geography Supervisor(s): MSc. Du Vu Viet Quan,
PhD. Nguyen Huu Duy*

The Tra Khuc river basin of Quang Ngai Province is one of the areas heavily affected by floods, causing many damages to human life and property. With the rapid development of urbanization, this area faces land scarcity, so do not hesitate to urbanize agricultural land located in high-risk deltas, which increases vulnerability of community to flood damage. The purpose of this paper is to identify high-risk areas as well as to estimate flood damage for land use planning in the area. To achieve this goal, the report uses two main methods: Data collection method and remote sensing method, geographic information system. The results of the study show that the distribution of flood risk levels in the area and the area of the respective land cover types help planners make appropriate land use strategies.

Keywords: land cover classification, flooding hazard, Tra Khuc



Xây dựng bản đồ dịch vụ sinh thái khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

*Sinh viên: Nguyễn Tuấn Anh,
K62 Địa lý Tự nhiên*

*GVHD: ThS. Dư Vũ Việt Quân,
Khoa Địa Lý*

Hiện nay dịch vụ hệ sinh thái (DVHST) đang bị suy thoái nghiêm trọng và có nguy cơ không còn khả năng cung cấp các giá trị cho chúng ta trong tương lai. Sự suy thoái dịch vụ sinh thái làm giảm đa dạng sinh học và ảnh hưởng trực tiếp đến con người. Để giúp cho việc định giá và đánh giá các DVHST đơn giản hơn, báo cáo này đã sử dụng công cụ mô hình hóa InVEST (lượng giá tổng hợp các dịch vụ hệ sinh thái và phân tích đánh đổi) trong việc thành lập bản đồ DVHST, đánh giá toàn diện các DVHST của khu vực nhằm giúp cho việc bảo tồn giá trị sinh học và sinh kế của người dân tại khu vực này. Xây dựng được bản đồ DVHST là một cơ sở khoa học cho việc đưa ra các khuyến nghị về các quy hoạch không gian của khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Mê, góp phần hỗ trợ chính sách bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

Từ khóa: dịch vụ hệ sinh thái, InVEST, Bắc Mê

Mapping ecological services of Bac Me Nature Reserve, Ha Giang Province

*Student: Nguyen Tuan Anh,
K62 Geography*

*Supervisor: MSc. Du Vu Viet Quan,
Faculty of Geography*

Recent years, ecosystem services (ES) are seriously degraded and at risk of being unable to provide values for us in the future. The degradation of ecological services reduces biodiversity and

directly affects people life. To make the evaluation of ES simpler, this paper used the InVEST modeling tool (Integrate Valuation of Ecosystem Services and Trade-offs) in building ES map, comprehensive assessment of the regional ES to help preserve the biological values and livelihoods of people in this area. Developing a map of ES is a scientific basis for making recommendations on spatial planning of Bac Me Nature Reserve, contributing to support biodiversity conservation and development policies.

Keywords: ecosystem services, InVEST, Bac Me



Đánh giá hiện trạng và biến đổi khả năng tiếp cận biển tại vùng bờ biển thành phố Đà Nẵng

Sinh viên: Lê Duy Anh,

K61 Địa lý Tự nhiên

Phạm Tiến Minh Tuấn, K61 Địa lý Tự nhiên

Phạm Việt Thành, K61 Địa lý Tự nhiên

Dương Thị Nghĩa, K61 Địa lý Tự nhiên

GVHD: TS. Trần Văn Trường, Khoa Địa Lý

ThS. Dư Vũ Việt Quân, Khoa Địa Lý

Ngày 25/6/2015, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Tài nguyên môi trường Biển và Hải đảo số 82/2015/QH13. Tại Điều 79 quy định: Trong thời hạn 18 tháng kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển có trách nhiệm thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý. Khả năng tiếp cận của cộng đồng đối với biển là một trong những tiêu chí quan trọng xác định các khu vực cần thiết để xác lập hành lang bảo vệ bờ biển. Đà Nẵng là một thành phố ven biển với đường bờ biển dài khoảng 92 km, có cảnh quan đa dạng và đặc sắc có nhiều bãi biển trải dài, xen kẽ bởi những bờ đá lưu giữ nhiều hệ sinh thái quan trọng tạo nên các cảnh quan đẹp. Tại đây các hoạt động kinh tế diễn ra sôi động, trong đó có nhiều hoạt động đã cản trở việc tiếp cận biển của cộng đồng. Mục tiêu của bài báo là đánh giá hiện trạng và diễn biến của khả năng tiếp cận biển tại Đà Nẵng dựa trên các phương pháp khảo sát thực địa, phỏng vấn bán cấu trúc (gồm 222 phiếu tham vấn cán bộ và người dân địa phương), viễn thám và GIS. Nghiên cứu đã phác thảo lại hiện trạng và những biến đổi của khả năng tiếp cận của cộng đồng tới biển, qua đó có đóng góp cho việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: khả năng tiếp cận tới biển, hành lang bảo vệ bờ biển, Đà Nẵng.

Assessment of the current situation and changes of the accessibility to the sea in Da Nang coastal zone

Students: Le Duy Anh, K61 Geography

Pham Tien Minh Tuan, K61 Geography

Pham Viet Thanh, K61 Geography

Duong Thi Nghia, K61 Geography

Supervisor(s): Dr. Tran Van Truong, Faculty of Geography

MSc. Du Vu Viet Quan, Faculty of Geography

In June 25, 2015, the 9th National Assembly passed the 9th session of the National Assembly on Law on Natural Resources and Environment of Sea and Islands No. 82/2015 / QH13. Article 79 stipulates that: Within 18 months from the effective date of this Law, the People's Committees of the coastal provinces and cities directly under the central government are responsible for establishing coastal setback. The accessibility of the community to the sea is one of the important criteria that identify the areas needed to establish a coastal setback. Da Nang is a coastal city with

a coastline of about 92 km, with diverse and unique landscapes with many beaches, interspersed by rocky shores that hold many important ecosystems creating beautiful landscapes. There are economic activities take place vibrantly, many of which have hindered community access to the sea. The objective of the research is to assess the current situation and changes of the accessibility to the sea in Danang city based on field survey methods, semi-structured questionnaire survey, remote sensing and GIS. Based on the analysis of the fieldwork results and the questionnaire, the width of the corridor and the areas needed to establish the coastal protection corridor have been determined. The study outlines the current situation and changes of community's accessibility to the sea, thereby contributing to the establishment of a coastal setback in Danang City.

Keywords: coastal accessibility, coastal setback, Da Nang.



Dịch bệnh và đại dịch trong lịch sử: những phân tích dưới góc nhìn địa lý-sinh thái sức khỏe

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Phương Anh,
K62 Địa lý
Nguyễn Thị Diệu, K62 Địa lý
GVHD: TS. Trần Văn Trường,
Khoa Địa lý*

Trong lịch sử đã có nhiều lần dịch bệnh diễn ra và gây nên những hậu quả nặng nề về tính mạng và tài sản của con người. Về bản chất, dịch bệnh và đại dịch là một quá trình tự nhiên, diễn biến phức tạp, cách thức kiểm soát dịch bệnh cũng khác nhau tùy từng quốc gia, dân tộc và các giai đoạn lịch sử. Nghiên cứu này thực hiện nhằm mục đích tổng quát lại đặc điểm, diễn biến những dịch bệnh lớn đã diễn ra trong lịch sử. Các phương pháp được sử dụng trong đề tài là phân tích, tổng quan tài liệu, thống kê mô tả và bản đồ học. Kết quả báo cáo sẽ làm rõ những dịch bệnh và đại dịch lớn đã diễn ra trong lịch sử, nguyên nhân, cơ chế lan truyền, đánh giá những biện pháp kiểm soát dịch bệnh dưới góc nhìn địa lý học và sinh thái học sức khỏe.

Từ khóa: Dịch bệnh, đại dịch, địa lý sức khỏe, sinh thái học sức khỏe

Epidemics and pandemics throughout history: analyses from a geographic-ecological health perspective

*Students: Nguyen Phuong Anh,
K62 Geography
Nguyen Thi Dieu,
K62 Geography
Supervisor: Dr. Tran Van Truong,
Faculty of Geography*

Numerous epidemics and pandemics have occurred throughout history and resulted in severe consequences regarding the lives and properties of humanity. In essence, epidemics and pandemics are a natural, complex and evolving process, and the ways in which they are controlled vary between countries, nations and historical periods. This study aims to generalize the characteristics and evolution of major epidemics that have occurred in history. The methods used include documentary analysis, literature review, descriptive statistics and cartography. The outcomes of this report would clarify the major epidemics that have occurred before, their causes, transmission mechanisms and solutions for disease control in terms of geography and health ecology.

Keywords: Epidemics, Pandemics, Health/medical Geography, Health Ecology.



Tính dễ bị tổn thương của cộng đồng dân cư dưới tác động của lũ lụt tại cửa sông Gianh, tỉnh Quảng Bình

*Sinh viên: Nguyễn Ngọc Diệp,
K61 Địa lý Tự nhiên
GVHD: TS. Nguyễn Hữu Duy,
Khoa Địa Lý*

Lũ lụt được coi là một trong những tai biến nguy hiểm nhất, gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho cuộc sống của con người đồng thời kìm hãm sự phát triển kinh tế- xã hội của vùng, địa phương. Tại nước ta – khu vực nhiệt đới gió mùa với hơn 3 200km bờ biển, là đất nước chịu ảnh hưởng thường xuyên của các trận lũ do bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ hằng năm. Trong đó, khu vực cửa sông Gianh của tỉnh Quảng Bình là một trong những khu vực phải gánh chịu loại thiên tai này với tần suất cao và mức độ ác liệt nhất cả nước. Đặc biệt, sự phát triển đô thị hóa và gia tăng dân số trong những khu vực có nguy cơ lũ lụt cao, làm tăng tính tổn thương của cộng đồng dân cư. Do đó, câu hỏi khoa học liên quan chặt chẽ đến nguy cơ lũ lụt được đặt ra: làm thế nào quản lý nguy cơ lũ lụt nhằm giảm tính dễ bị tổn thương của cộng đồng dân cư khu vực cửa sông Gianh? Cụ thể, những vấn đề nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định về mặt không gian các khu vực chịu tác động của lũ lụt, đồng thời phân tích tính dễ tổn thương của cộng đồng dân cư liên quan đến chúng. Để thực hiện được mục tiêu này, trong báo cáo đã sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp viễn thám, hệ thống thông tin địa lý và phương pháp điều tra xã hội học. Kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng tính dễ bị tổn thương của cộng đồng dân cư khu vực cửa sông Gianh rõ ràng đang tăng lên, đặc biệt là khi quá trình quy hoạch đô thị không được thực hiện một cách đồng bộ với hệ thống thoát nước. Kết quả này có thể hỗ trợ cho các nhà quy hoạch đưa ra những phương án hợp lý nhằm giảm thiểu tổn thương do lũ lụt đảm bảo phát triển bền vững.

Từ khóa: Lũ lụt, Tính dễ bị tổn thương, Sông Gianh, Đô thị hóa

Community vulnerability under the impact of flooding in the Gianh river estuary, Quang Binh province

*Student: Nguyen Ngoc Diep,
K61 Physical geography
Supervisor: PhD. Nguyen Huu Duy
Faculty of Geography*

Floods are considered one of the most dangerous disasters that cause damage to human life and makes an adverse impact on social-economic development across the region and locality. In Vietnam - a tropical monsoon region with more than 3200km of coastline is a country often affected by floods due to typhoons and tropical depressions every year. The Gianh estuary area of Quang Binh province is one of the regions to suffer this type of disaster with the highest frequency and the most severe level in the country. In particular, urbanization and population growth in high flood-prone areas increase community vulnerability. Therefore, scientific questions related to flood risks are posed: how to manage flood risks to reduce the community vulnerability in the Gianh estuary area? Specifically, the research issues to identify spatially the areas affected by floods and analyze the community vulnerability related to them. To accomplish this goal, two methods are used in the report: Remote Sensing, Geographic Information System, and socioeconomic field surveys conducted in 2020. The results of this study show that the community vulnerability of the Gianh estuary areas is increasing, mainly when urban planning is not carried out in a synchronized manner with the drainage system. This result can support planners to make reasonable plans to minimize flood damage to ensure sustainable development.

Keywords: Flood, vulnerability, Gianh river, Urbanization



Nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng của người dân tại khu đô thị HH Linh Đàm và những tác động đến quy hoạch đô thị tại thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Diễm,
K63 Quản lý đất đai
Phan Thị Hương Giang,
K64 Quản lý đất đai
GVHD: TS. Trịnh Thị Kiều Trang,
Khoa Địa lý
ThS. Bùi Ngọc Tú,
Khoa Địa lý*

Đảm bảo cung cấp nhà ở phù hợp cho người dân là một trong những trách nhiệm của chính phủ. Trong những năm gần đây, chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều dự án nhà ở xã hội cho các hộ gia đình có thu nhập thấp với nhiều dự án tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích của nghiên cứu là đánh giá mức độ hài lòng của cư dân nhà ở xã hội tại Hà Nội, nơi mật độ dân số cực kỳ cao và thu nhập trung bình quá thấp so với giá nhà đất. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát, phân tích dữ liệu, phương pháp thống kê, so sánh và phương pháp chuyên gia. Dữ liệu được thu thập thông qua một khảo sát thực địa và điều tra xã hội học tại khu đô thị HH Linh Đàm, Hà Nội trong tháng 9 và tháng 10 năm 2019. Nghiên cứu cho thấy mức độ hài lòng chung về môi trường dân cư, bao gồm các tính năng và dịch vụ nhà ở là vừa phải. Tuy nhiên, mức độ hài lòng này không phải là hằng số; thay vào đó, nó dao động trên các biến cho cả tính năng nhà ở, chất lượng dịch vụ và môi trường, chính sách. Nghiên cứu cũng xem xét các yếu tố quyết định sự hài lòng của người dân và tác động xã hội của nó đến quy hoạch đô thị ở Hà Nội. Kết luận chung là các nỗ lực cải thiện nhà ở thu nhập thấp và các dịch vụ xung quanh có thể cải thiện mức độ hài lòng chung của người dân.

Từ khóa: Mức độ hài lòng, nhà ở xã hội, thu nhập thấp, dịch vụ, Hà Nội

Evaluation the Residential Satisfaction in Affordable Housing for Low-income people and its Social Impact on Urban Planning in Hanoi, Vietnam

*Student(s): Nguyen Thi Ngoc Diem,
K63 Land Management
Phan Thi Huong Giang,
K64 Land Management
Supervisor(s): Dr. Trinh Thi Kieu Trang, Faculty of Geography
Msc. Bui Ngoc Tu,
Faculty of Geography*

Providing appropriate housing for the people is one of the responsibilities of the governments. In recent years, the government of Vietnam decided to implement the affordable housing for low-income households with many projects in Hanoi and Ho Chi Minh city. The aim of research was evaluation the satisfaction rate of affordable housing residents in Hanoi, where the population density is extremely high and the average income is too low compared to the housing price. This research used survey methods, data analysis, statistical methods, comparison and expert method. A field survey was implemented for data collection. The main fieldwork was undertaken during November 2019 and December 2019 in Linh Dam, Hanoi. Findings revealed that the overall level of satisfaction of the residential environment, including housing features and services, is

moderate. However, this level of satisfaction is not constant; rather, it fluctuates across the variables for both housing features, services quality and environment, policies. This paper also examined the determinants of residential satisfaction and its social impact on urban planning in Hanoi. The overall conclusion is that attempts to improve low income housing and the surrounding services may result in improving overall satisfaction.

Keywords: Residential satisfaction, affordable housing, low-income, services, Hanoi



Phân tích mối liên quan giữa các đặc trưng địa hình và đặc điểm phân bố dân cư khu vực huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

*Sinh viên: Vũ Thanh Hà,
K63 Địa lý Tự nhiên
Phạm Khánh Long,
K63 Địa lý Tự nhiên
GVHD: TS. Ngô Văn Liêm,
Khoa Địa Lý*

Tóm tắt: Nghiên cứu đặc điểm và quy luật phân bố dân cư có ý nghĩa thực tiễn trong việc hài hòa các mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, phục vụ công tác quản lý dân số, tài nguyên và môi trường một cách khoa học. Nghiên cứu này sẽ tập trung vào phân tích và làm sáng tỏ mối quan hệ giữa các đặc trưng địa hình (độ cao, độ dốc, độ chia cắt sâu, khoảng cách đến sông/suối) với sự phân bố dân cư/dân tộc ở khu vực miền núi. Nghiên cứu thí điểm được thực hiện ở khu vực huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đây là khu vực có nhiều đặc trưng cho khu vực miền núi phía bắc nước ta, với sự tập trung khá đông các dân tộc sinh sống (9 dân tộc). Kết quả cho thấy, ở khu vực Mộc Châu, dân cư chủ yếu tập trung ở các bậc độ cao 800-1000m (43,3%) và 600-800m (28%). Sự phân bố dân cư tỉ lệ nghịch với độ dốc, độ phân cắt sâu và khoảng cách tới sông/suối. Theo đó, dân cư chủ yếu tập trung ở nơi có độ dốc và độ phân cắt sâu nhỏ (độ dốc <8 độ chiếm 59,5%; độ phân cắt 0-100m/km² chiếm trên 70,5%). Dân cư chủ yếu tập trung ở các thung lũng sông với khoảng cách đến sông/suối <200m (40,3%) và 200-400m (18,8%)..

Từ khóa: địa hình miền núi, phân bố dân cư, Mộc Châu, Sơn La

Analyze the relationship between topographic characteristics and population distribution in Moc Chau district, Son La province

*Student(s): Vu Thanh Ha,
K63 Geography
Pham Khanh Long,
K63 Geography
Supervisor: PhD. Ngo Van Liem,
Faculty of Geography*

Abstract: Study on population distribution characteristics and regulations have realistic meanings for harmonizing human-land relationship, managing scientifically population, resources and environments. This study will focus on analyzing and elucidating the relationship between topographic features (elevation, slope, depth, distance to river/stream) and population / ethnic distribution. in mountainous areas. The pilot study was conducted in Moc Chau district, Son La province. This area has many characteristics for the northern mountainous region of Vietnam, with a large concentration of ethnic groups (9 ethnic groups). The results show that, in Moc Chau area, the population is mainly concentrated at the elevations of 800-1000m (43.3%) and 600-800m (28%). The population distribution is inversely proportional to the slope, relative elevation and distance to the rivers/streams. Accordingly, the population is mainly concentrated in the areas

where the slope and the relative elevation are small (the slope <8 degrees accounts for 59.5%; the section of 0-100m / km² accounts for over 70.5%). The population is mainly concentrated in river valleys with distance to the rivers/streams <200m (40.3%) and 200-400m (18.8%).

Keywords: mountainous terrain, population distribution, Moc Chau, Son La



Nghiên cứu đánh giá mức độ hấp dẫn về nơi ở theo tiếp cận Vị thế - Chất lượng (nghiên cứu điểm ở khu vực quận Cầu Giấy, Hà Nội)

*Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hà,
K61 Công nghệ địa chính
GVHD: ThS. Lê Phương Thủy,
Khoa Địa Lý*

Lựa chọn một nơi ở thích hợp từ lâu đã trở thành vấn đề quan tâm không chỉ đối với người dân, mà còn đối với các nhà nghiên cứu. Mục tiêu của nghiên cứu là lượng hóa những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nơi ở theo tiếp cận Vị thế-Chất lượng, từ đó xác định được mức độ hấp dẫn về nơi ở khác nhau trên địa bàn quận Cầu Giấy. Một bộ danh mục 31 yếu tố được đề xuất dựa trên 7 khía cạnh: môi trường, vật lý, tiếp cận, xã hội, tâm lý, kinh tế, pháp lý. Bằng các phương pháp phân tích đa chỉ tiêu, phân tích mạng Network Analyst, Fuzzy logic, kết hợp với bộ dữ liệu gồm 437 mẫu điều tra thực địa, đề tài tiến hành tính toán hệ số hấp dẫn về nơi ở đến từng thửa đất và thể hiện bằng bản đồ. Kết quả cho thấy khu vực Làng quốc tế Thăng Long, khu dân cư gần Công viên Cầu Giấy và khu đô thị Trung Hòa-Nhan Chính được đánh giá có hệ số hấp dẫn cao nhất. Đây cũng là khu vực tiềm năng trở thành trung tâm của khu vực (cực vị thế). Kết quả của đề tài một phần nào đó trợ giúp cho các nhà quản lý và nhà kinh tế có những kế hoạch, chính sách trong công tác quản lý đất đai, quản lý thị trường bất động sản.

Từ khóa: Vị thế - Chất lượng, hệ số hấp dẫn về nơi ở, yếu tố ảnh hưởng, phân tích đa chỉ tiêu, Cầu Giấy

Researching on attractiveness of accomodation arcording to Status – Quality approach (case study in Cau giay district, Hanoi city)

*Student: Nguyen Thi Thu Ha, K61 Technology for Land Administration
Supervisor: MSc. Le Phuong Thuy,
Faculty of Geography*

Choosing a suitable residence has long been a matter of concern not only for the people, but also for researchers. The objective of the study is to quantify the factors that influence the decision to choose a residence according to the Position-Quality approach, thereby identifying the different levels of attractiveness of accommodation in Cau Giay District. A set of 31 elements is proposed based on 7 aspects: Environmental Urban , Physical Urban, Mobility Urban, Social Urban, Psychological Urban, Economical Urban, Political Urban. By using multi-criteria analysis methods, Network Analyst, Fuzzy logic, combined with a dataset of 437 field survey samples, the subject conducted computational attractiveness coefficient for each residential land parcel, and shown by map. The results show that the Thang Long International Village area, the residential area near Cau Giay Park and Trung Hoa – Nhan Chinh Urban Area are evaluated to have the highest attractiveness coefficients. This is also a potential area to become the center of the region

(status poles). The results of the project partly help managers and economists to have plans and policies in land management and real estate market management.

Keywords: Status – Quality, neighbourhood attractiveness, factors, Multi - Criteria Analysis, Cau Giay



Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị chất lượng đất đai cho đánh giá và giám sát quản lý đất đai bền vững tại huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Nguyễn Minh Hạnh,
K63 Quản lý đất đai
GVHD: TS. Đỗ Thị Tài Thu,
Khoa Địa lý*

Bộ chỉ thị chất lượng đất đai là một công cụ hữu ích trong việc đánh giá và giám sát quản lý đất đai bền vững. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xây dựng được bộ chỉ thị chất lượng đất đai cho đánh giá và giám sát quản lý đất đai bền vững tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội bằng các phương pháp điều tra, thu thập số liệu, phương pháp kế thừa, bản đồ viễn thám và GIS, điều tra xã hội học, thang đo Likert,... Kết quả, đề tài đã xác định được 66 chỉ thị chất lượng đất đai theo mô hình FESLM. Các chỉ thị này có thể hỗ trợ các nhà quản lý triển khai và duy trì cho đánh giá và giám sát quản lý đất đai bền vững ở địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: bộ chỉ thị chất lượng đất đai, quản lý đất đai bền vững

Research on building land quality indicators for assessing and monitoring sustainable land management in Thach That district, Ha noi city

*Student: Nguyen Minh Hanh,
K63 Land Management
Supervisor: Dr. Do Thi Tai Thu, Geography Faculty*

Land Quality Indicators (LQIs) is a useful tool for assessing and monitoring Sustainable Land Management (SLM). Therefore, objective of this study is to build a set of LQIs for assessing and monitoring SLM in Thach That district, Hanoi city by method of surveys, data collection, inheritance, map - remote sensing and GIS, sociological investigation method, Likert scale,... The study has identified 66 indicators which is analyzed according to FESLM framework. These indicators can assist managers in implementing and sustaining for assessing and monitoring SLM in the study area.

Keywords: land quality indicators, sustainable land management



Thị trường bất động sản cho thuê (phân khúc cửa hàng, kiot) tại quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Mai Thị Hương,
K61 Quản lý đất đai
GVHD: TS. Phạm Sỹ Liêm,
Khoa Địa lý*

Đất đai ngày một khan hiếm và nhu cầu thuê, cho thuê bất động sản tại các khu vực trung tâm (đặc biệt là cửa hàng, kiot) ngày càng tăng cao. Giá thuê bất động sản cần được nghiên cứu, xem xét trong mối tương quan giữa chúng và các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu sử dụng phương

pháp điều tra, thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp về thị trường và các thông tin liên quan đến giá thuê các cửa hàng, kiot. Việc tổng hợp và phân tích dữ liệu được thực hiện bằng phần mềm thống kê SPSS, phần mềm Excel. Kết quả nghiên cứu đã khái quát được thực trạng thị trường bất động sản cho thuê tại quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; phân tích được sự chênh lệch của các mức giá thuê; tìm ra mối tương quan tuyến tính giữa giá thuê và các yếu tố ảnh hưởng. Từ những kết quả thu được, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp giúp cho công tác quản lý thị trường bất động sản được hiệu quả, hướng tới thị trường ngày càng minh bạch và ổn định.

Từ khóa: Thị trường bất động sản cho thuê; cửa hàng, kiot cho thuê

Real estate market for rent (shop, kiot) in Hoan Kiem district, Ha noi city

*Student: Mai Thi Huong,
K61 Land Management
Supervisor: Dr. Pham Sy Liem,
Geography Faculty*

Land is increasingly scarce and the need to rent and lease real estate in the central areas (especially shops, kiosks) is increasing. Renting real estate needs to be studied and considered in the correlation between them and influencing factors. The research uses survey methods, collects primary and secondary data on the market and information related to the rent of shops and kiosks. Data analysis are carried out by SPSS statistical software, Excel software. The research results have generalized the real estate market for rent in Hoan Kiem district, Hanoi city; analyze the difference in rent rates; find out the linear correlation between rents and the influencing factors. From the obtained results, the study proposes some solutions to help the real estate market management be effective, towards an increasingly transparent and stable market.

Keywords: The rental real estate market; shops, kiosks for rent



Dự báo nhu cầu sử dụng đất và ứng dụng gis trong quy hoạch một số loại đất phi nông nghiệp tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đến năm 2030

*Sinh viên: Mai Thị Hương,
K61 Quản lý đất đai
GVHD: PGS.TS. Trần Văn Tuấn,
Khoa Địa lý
TS. Đỗ Thị Tài Thu,
Khoa Địa lý*

Đất phi nông nghiệp hiện nay ngày càng được mở rộng và công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất, ứng dụng tin học trong quy hoạch loại đất này đang gặp một số khó khăn nhất định. Bằng những dữ liệu thứ cấp được nghiên cứu thu thập như hiện trạng sử dụng đất, phương án quy hoạch sử dụng đất, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, ..., nghiên cứu sử dụng phương pháp dự báo nhu cầu sử dụng đất, ứng dụng phần mềm ArcGIS và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu AHP trong quy hoạch một số loại đất phi nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu đưa ra bảng dự báo nhu cầu sử dụng một số loại đất phi nông nghiệp và vị trí quy hoạch sử dụng đất cho một số loại đất phi nông nghiệp tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đến năm 2030. Nghiên cứu cho thấy sự cần thiết của việc dự báo nhu cầu sử dụng đất và kết hợp công nghệ trong quy hoạch sử dụng đất, giúp cho công tác quản lý đất đai được chính xác và nhanh chóng.

Từ khóa: Dự báo nhu cầu sử dụng đất, ArcGIS, AHP, quy hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai

Forecasting demand for land use and Gis application in some non-agricultural lands planning in Quoc Oai district, Hanoi city to 2030

*Student: Mai Thi Huong,
K61 Land Management*

*Supervisors: Prof. DrTran Van Tuan, Geography Faculty
Dr.Do Thi Tai Thu,
Geography Faculty*

Nowadays, non-agricultural land is increasingly expanding and the forecasting demand for land-use, informatics application in land-use planning are facing certain difficulties. Secondary data are collected such as: Current land use status, land use plans, natural and socio-economic conditions,....The research uses land use demand forecasting methodology, ArcGIS software application and AHP multi-criteria analysis method in planning a number of non-agricultural lands. The results of the research are provide a table of forecasting demand for non-agricultural lands and the location of non-agricultural lands planning in Quoc Oai district, Hanoi city to 2030. Research for recognizing the need for land use demand forecasting and incorporating technology in land use planning. And making land management is more accurate and faster than normal.

Keywords: Forecasting demand for land use, ArcGIS, AHP, land use planning, land management



Nghiên cứu ứng dụng GIS và phương pháp thống kê trong định giá đất hàng loạt tại phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Vũ Thị Thúy Hương,
K61 Công nghệ Địa chính
GVHD: ThS. Lê Phương Thủy,
Khoa Địa Lý*

Định giá đất hàng loạt là phương pháp định giá có hệ thống các nhóm tài sản vào một thời điểm nhất định áp dụng phương pháp được chuẩn hóa và kiểm tra thống kê. Công nghệ này có ưu điểm giúp định giá đất nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, và hiệu quả. Hiện nay có rất nhiều phương pháp được sử dụng trong định giá đất hàng loạt. Đề tài này nhằm mục tiêu so sánh một số phương pháp dựa trên GIS và phương pháp thống kê trong định giá đất hàng loạt tại phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy. Dữ liệu đầu vào gồm 61 giá đất thị trường (giao dịch trong khoảng 2 – 3 năm trở lại đây). Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: Phương pháp nội suy IDW, phương pháp nội suy Kriging và phương pháp phân tích hồi quy đa biến. Kết quả cho thấy phương pháp nội suy IDW có độ chính xác cao hơn. Từ đó đề tài tiến hành xây dựng được bản đồ giá đất ở đô thị tại phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy.

Từ khóa: Định giá đất hàng loạt, phương pháp thống kê, nội suy IDW, nội suy Kriging, Quan Hoa

Researching on application of GIS and statistical method of mass appraisal in Quan Hoa ward, Cau Giay district, Hanoi city

*Student: Vu Thi Thuy Huong,
K61 Technology for Land Administration
Supervisor: MSc. Le Phuong Thuy,
Faculty of Geography*

Mass appraisal is a systematic valuation method of asset groups at a given time using a standardized method and statistical checking. This technology has the advantage of helping land prices quickly, save time, and efficiently. There are currently many methods used in mass appraisal. This thesis aims to compare some GIS-based and statistical methods in mass appraisal in Quan Hoa ward, Cau Giay district. Input data includes 61 market land prices (traded in the last 2-3 years). The research methods used: IDW interpolation method, Kriging interpolation method and multivariate regression analysis method. The results show that IDW interpolation method has higher accuracy. Since then, the project has developed an urban land price map in Quan Hoa ward, Cau Giay district.

Keywords: Mass appraisal, statistical method, IDW interpolation, Kriging interpolation, Quan Hoa



Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng địa chính 3D trên thế giới và khả năng ứng dụng tại Việt Nam

*Sinh viên: Nguyễn Huy Hoàng,
K62 Quản Lý đất đai
Nguyễn Thị Oanh, K62 Quản Lý đất đai
GVHD: PGS.TS Trần Văn Tuấn, Khoa Địa lý
ThS. Đoàn Quang Cường, Khoa Địa lý*

Tóm tắt: Cùng với quá trình phát triển đô thị, công tác quản lý đất đai, và tài sản gắn liền với đất ngày càng phức tạp do nền địa chính 2D không đáp ứng được nhu cầu quản lý về mặt không gian. Trong khi đó tại nhiều quốc gia, các mô hình địa chính 3D là sự lựa chọn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đất đai. Trong nghiên cứu này, bằng phương pháp phân tích tổng hợp, kế thừa kinh nghiệm của các nước có hệ thống địa chính hiện đại, đề tài đã đưa ra các mô hình địa chính 3D cho thửa đất, tài sản gắn liền với đất dựa trên mô hình hóa thống nhất UML, đây là những mô hình có khả năng ứng dụng cao trong bối cảnh thuộc tính và hình dạng của các đối tượng chiếm đất ngày càng đa dạng. Qua quá trình nghiên cứu, để áp dụng các mô hình địa chính 3D trong quản lý đất đai ở nước ta, cần có những quy định về chuẩn dữ liệu địa chính 3D và đồng bộ hệ thống dữ liệu đầy đủ, chính xác.

Từ khóa: Địa chính 3D, ngôn ngữ UML, quản lý đất đai

Researching experiences in building 3D cadastre in the world and applicability in Vietnam

*Student: Nguyen Huy Hoang,
K62 Land Management
Nguyen Thi Oanh,
K62 Land Management
Supervisors: Assoc. Prof Tran Van Tuan, Geography Faculty
MSc. Doan Quang Cuong,
Geography Faculty*

Abstract: Along with the process of urban development, land management and other land-attached assets are increasingly complex, because the 2D cadastre does not meet the demand for spatial management. Meanwhile, in many countries, 3D cadastral models are the right choice to improve land management efficiency. In this study, by general analysis method, inheriting the experience of countries with modern cadastral systems, we have presented 3D cadastral models

for land parcels and other land-attached assets based on UML unified modeling language. These are highly applicable models in the context of the land's shape and attribute more diversity. Through the research process, to apply 3D cadastral models in land management in our country, there should be regulations on 3D cadastral data standards and building an accurate, update data system.

Keywords: 3D cadastres, UML, land management



Nghiên cứu, ứng dụng GIS và phương pháp đa chỉ tiêu trong định hướng quy hoạch vị trí không gian của một số loại đất phi nông nghiệp tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

*Sinh viên: Trần Việt Hùng,
K61 Quản lý đất đai
GVHD: PGS.TS. Trần Văn Tuấn,
Khoa Địa lý
ThS. Vũ Khắc Hùng,
Khoa Địa lý*

Tóm tắt: Công tác quy hoạch sử dụng đất hiện nay đang gặp một số khó khăn, bất cập. Đặc biệt trong việc sử dụng đất sao cho hiệu quả, hợp lý đang là mối quan tâm rất lớn. Tại địa bàn thị xã Phú Thọ hiện nay đã xảy ra những bất cập trong việc quy hoạch sử dụng đất gây nên những bức xúc của người dân. Nghiên cứu này sử dụng GIS và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu AHP kết hợp với việc tổng hợp số liệu, tài liệu liên quan. Dựa trên nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu, đề tài xây dựng xác định các vị trí quy hoạch thích hợp của một số loại đất phi nông nghiệp, cụ thể là đất công nghiệp và đất xử lý rác thải để định hướng tầm nhìn 2020-2030 tại địa bàn thị xã Phú Thọ. Kết quả nghiên cứu hỗ trợ việc quy hoạch sử dụng đất được bền vững và hiệu quả.

Từ khóa: GIS, Quy hoạch sử dụng đất, AHP, thị xã Phú Thọ

Research and application of gis and multi-criteria analysis method in land planning orientation of some non-agricultural land use purposes in Phu Tho town, Phu Tho province

*Student: Tran Viet Hung,
K61 Land Management
Supervisors: Assoc. Prof Tran Van Tuan, Geography Faculty
MSc. Vu Khac Hung,
Geography Faculty*

Abstract: Nowadays, the current land use planning in Vietnam is facing a number of difficulties and shortcomings. Especially, the problem, in the use of land effectively and reasonably, has been receiving a great concern. In Phu Tho town, there are inadequacies in land use planning causing frustration of people. This research applies GIS and AHP multi-criteria analysis methods combined with the synthesis of data and related documents. Based on data sources and research methods, the construction project identifies relevant planning locations of some non-agricultural land named industrial and waste treatment land to orient the land use planning in the period from 2020 to 2030 in Phu Tho town. This may contributes more sustainable and effective impacts on land use planning.

Keywords: GIS, AHP, Land use planning, Phu Tho town



Nghiên cứu đánh giá cải thiện hệ thống đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Sinh viên: Cao Minh Khuong,
K61 Quản lý đất đai
GVHD: TS. Trịnh Thị Kiều Trang,
Khoa Địa Lý

Chính phủ Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý đất đai hiệu quả, bền vững và cải thiện quản trị. Kể từ năm 2008, một số nỗ lực đã được thực hiện để phát triển quản lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu, với tổng vốn đầu tư hơn 380 triệu đô la. Mặc dù có nhiều tiến bộ, những vướng mắc cơ bản trong lĩnh vực quản lý đất đai vẫn còn. Vẫn còn nhiều thiếu sót trong hệ thống quản lý đất đai của Việt Nam, đặc biệt là trong hệ thống đăng ký đất đai. Một nghiên cứu về cải tiến hệ thống đăng ký đất đai là một nghiên cứu cần thiết trong bối cảnh chính phủ Việt Nam đang cố gắng xây dựng một hệ thống thông tin đất đai đa mục đích. Mục đích nghiên cứu là nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của dịch vụ quản lý đất đai thông qua việc phát triển hệ thống đăng ký đất đai điện tử trên địa bàn huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp khảo sát, phân tích dữ liệu (phân tích định tính), phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp chuyên gia. Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng của hệ thống đăng ký đất đai ở Thanh Hà thông qua các khảo sát và báo cáo. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất hệ thống đăng ký đất đai điện tử mới có thể cải thiện hệ thống quản lý đất đai đa mục đích cho Thanh Hà, Hải Dương nói riêng và Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Đăng ký đất đai, điện tử, quản lý đất đai, đa mục tiêu, Thanh Hà

A Study on the Improvement of Land Registration System in Thanh Ha District, Hai Duong Province

Student: Cao Minh Khuong,
K61 Land Management
Supervisor: Dr. Trinh Thi Kieu Trang, Faculty of Geography

The government of Vietnam highlights the importance of effective and sustainable land management and improved governance. Since 2008, a number of efforts have been undertaken to develop land records and databases, with a total investment more than \$380 million. Despite much progress, fundamental bottlenecks in the land administration sector remain. There are still many shortcomings in the Vietnamese land administration system, especially in the land registration system. A study on the improvement of the land registration system is a necessary research in the context that the government of Vietnam is trying to build a multi-purpose land information system. The research purpose was to improve the efficiency and transparency of land administration services through the development of the land registration system in Thanh Ha District, Hai Duong Province. This research used survey methods, data analysis (qualitative analysis), statistical methods, comparison, expert method. This research evaluated the current situation of land registration system in Thanh Ha through the surveys and reports. This research results have proposed the new electronic land registration system that can improve the multi-purpose land management system for Thanh Ha, Hai Duong in particular and in general in Vietnam.

Keywords: Land registration, electronic, land administration, multi-purpose, Thanh Ha



Mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa và đa dạng sinh kế cộng đồng tại xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

*Sinh viên: Phạm Thị Tuyết Minh,
K61 Địa lý Tự nhiên
Nguyễn Thị Chinh,
K63 Địa lý Tự nhiên
GVHD: TS. Hoàng Thị Thu Hương,
Khoa Địa lý
ThS. Dương Thị Thủy,
Khoa Địa lý*

Mô hình phát triển du lịch là một hệ thống gồm các thành phần tham gia vào hoạt động phát triển du lịch, nhằm hướng đến mục tiêu nhất định. Để phục vụ mục tiêu bền vững thì phát triển du lịch cần gắn với bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc địa phương đồng thời tăng thêm nguồn sinh kế, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho người dân và du khách. Xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình là khu vực thuộc lòng hồ Hòa Bình có tiềm năng phát triển du lịch lớn, là nơi lưu giữ và trao truyền giá trị văn hóa đặc sắc của người Mường, người Dao và xã cũng được quy hoạch thành khu du lịch cấp quốc gia. Tuy nhiên, hiện trạng phát triển du lịch còn nhiều hạn chế, thiếu đầu tư, thiếu cơ chế quản lý, vận hành du lịch hiệu quả, chưa đa dạng hóa hình thức tham gia du lịch của cộng đồng và đặc biệt chưa có chính sách bảo tồn giá trị văn hóa bản địa bền vững. Do vậy, nghiên cứu mô hình du lịch gắn với bảo tồn văn hóa và đa dạng sinh kế cộng đồng tại xã Tiên Phong huyện Đà Bắc tỉnh Hòa Bình đã đề xuất mô hình du lịch cộng đồng mẫu kèm theo các nguyên tắc xây dựng, những sản phẩm du lịch phù hợp và cách tổ chức thực hiện mô hình phát triển du lịch tại xóm Đá Bia và Mỏ Hém.

Model of tourism development associated with cultural preservation and local community livelihoods diversity in Tien Phong commune Da Bac district Hoa Binh province

*Student: Pham Thi Tuyen Minh, K61 Physical Geography
Nguyen Thi Chinh,
K62 Physical Geography
Supervisors: Ph.D. Hoang Thi Thu Huong
M.Sc. Duong Thi Thuy*

Model of tourism development is a system of components involved in tourism development activities, aiming to achieve certain goals. For sustainable development, tourism is not only associated with preserving traditional culture and local identity but also increasing livelihood sources, raising awareness of environmental and resource protection for people and tourists. Tien Phong commune, Da Bac district, Hoa Binh province is an area of Hoa Binh lake with great potential for tourism development, a place for preserving and transmitting unique cultural values of Muong and Dao people. This commune is also planned as a national tourism area. However, the current status of tourism development is limited, lack of investment, lack of effective management and operation of tourism, has not diversified forms of tourism participation of the community, and especially there is no main conservation of local indigenous cultural values. Therefore, researching to build a model of tourism development in association with cultural preservation and community livelihood diversity in Tien Phong commune has proposed a model of community based tourism (principles of construction, tourism products and how to organize tourism development models) in Da Bia and Mo Ne hamlets.



Mô hình xói mòn đất của RUSLE2 trong mối quan hệ giữa động lực nhân sinh và tiến hóa cảnh quan: nghiên cứu trường hợp lưu vực sông Trà Khúc

Sinh viên: Dương Thị Nghĩa,
K61CLC Địa lý Tự nhiên
GVHD: ThS. Dư Vũ Việt Quân,
Khoa Địa Lý

Sự tiến hoá của cảnh quan là một tập hợp các quá trình tự nhiên phức tạp và tác động đan xen, mà phần lớn trong số đó xuất phát gián tiếp hoặc trực tiếp từ quá trình sử dụng đất. Xói mòn đất là một quá trình tự nhiên như vậy, tham gia với vai trò "nhân tố chi phối" trong đánh giá cảnh quan nói riêng và hoạt động quản lý cảnh quan của lãnh thổ nói chung. Trên cơ sở lý thuyết của mô hình RUSLE2, nghiên cứu đã đánh giá mối quan hệ giữa mức độ xói mòn tiềm năng và hoạt động biến đổi cảnh quan tự nhiên của lưu vực sông Trà Khúc. Các yếu tố đầu vào bao gồm các biến "tự nhiên" và "nhân tác" ảnh hưởng đến xói mòn như địa hình, đặc điểm thổ nhưỡng, lớp phủ sử dụng đất được đưa vào mô hình đánh giá đa tiêu chí. Từ những đánh giá trên, nghiên cứu hứa hẹn mang đến một cách tiếp cận mới trong nhận thức về mối quan hệ giữa động lực nhân sinh và tiến hoá cảnh quan tự nhiên của lãnh thổ.

Từ khóa: Tiến hóa cảnh quan, động lực nhân sinh, xói mòn, Trà Khúc, RUSLE2

RUSLE2 soil erosion model in the relationship of human driving forces and landscape evolution: case study of Tra Khuc river basin

Students: Duong Thi Nghia,
K61 Honor Program in Physical Geography
Supervisor: MSc. Du Vu Viet Quan, Faculty of Geography

Landscape evolution is a complex set of natural processes and interwoven impacts, most of which come indirectly or directly from land use. Soil erosion is such a natural process, participating as a "dominant factor" in landscape assessment in particular and landscape management activities of the territory in general. Based on the theory of the RUSLE2 model, the study evaluated the relationship between the potential erosion level and the activity of changing the natural landscape of the Tra Khuc river basin. Input factors including "natural" and "human" variables affecting erosion such as topography, soil characteristics, and land use cover are included in the multi-criteria evaluation model. From the above assessments, the study proposed a new approach in awareness of the relationship between human dynamics and the evolution of the territory's natural landscape.

Key words: Landscape evolution, human driving force, soil erosion, Tra Khuc river basin, RUSLE2.



Ứng dụng mô hình Hedonic nghiên cứu sự ảnh hưởng của các yếu tố không gian mở công viên tới giá đất

Sinh viên: Hoàng Phong,
K62 Quản lý đất đai
GVHD: TS. Phạm Thị Phìn,
Khoa Địa lý
ThS. Vũ Khắc Hùng,
Khoa Địa lý

Tóm tắt: Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ đô thị hóa cao trong khu vực, tăng trưởng đô thị nhanh nhất ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Việc phát triển các khu vực không gian mở đô thị đang được rất nhiều các quốc gia trên thế giới quan tâm, tạo nên các xu hướng phát triển bền vững, phát triển thành phố Xanh. Những khu vực không gian mở đô thị mang lại sự thoải mái cho con người trong quá trình sinh sống thông qua các hoạt động giải trí, vui chơi... Tại Việt Nam, giá đất thị trường tại khu vực gần các đối tượng không gian mở bị chịu ảnh hưởng rất lớn. Nghiên cứu ứng dụng mô hình Hedonic, được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu về đánh giá thị trường BĐS và phân tích đô thị, kết hợp với nền tảng công nghệ GIS nhằm xây dựng quy trình và xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố Không gian mở tới giá đất tại một số vị trí ở Hà Nội, từ đó làm cơ sở cho cơ quan chức năng và người mua bán định giá chính xác giá trị thửa đất.

Từ khóa: Không gian mở, GIS, Mô hình Hedonic, Hà Nội

Application of Hedonic model to study the effects of the space opening factors to the land price

*Student: Hoang Phong,
K62 Land Management*

*Supervisors: Dr. Pham Thi Phin, Geography Faculty
MSc. Vu Khac Hung,
Geography Faculty*

Abstract: Vietnam is one of the countries with the highest urbanization rate in the region and the fastest urban growth in two major cities, Hanoi and Ho Chi Minh City. The development of urban open space areas has been receiving a great interest of various countries in the world, leading to create sustainable development trends and developing a green city. The urban open space areas bring comfort to people in the process of living through recreational activities, entertainments, etc. In Vietnam, the market price of land in the area near open space objects is affected greatly. Research apply the Hedonic model, which widely used in research on real estate market assessment and urban analysis, combine with GIS technology platform to build processes and determine the impact of Open space factors lead to land prices in several locations in Hanoi. Thereby, the study serves as a basis for government and buyers to accurately determine the value of land plots.

Keywords: Open space, GIS, Hedonic model, Hanoi



Nghiên cứu đặc điểm cảnh quan phục vụ bảo tồn tài nguyên thực vật khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh dựa trên ứng dụng viễn thám

*Sinh viên: Phạm Việt Thành,
K61 Địa lý Tự nhiên
GVHD: PGS.TS Nguyễn Đăng Hội,
Trung tâm nhiệt đới Việt-Nga
ThS. Ngô Trung Dũng,
Trung tâm nhiệt đới Việt-Nga*

Đánh giá cảnh quan là một nội dung quan trọng phục vụ cho sử dụng hợp lý tài nguyên đất và rừng, đặc biệt là các khu vực rừng nhiệt đới, nơi có sự đa dạng về điều kiện tự nhiên và các kiểu thảm thực vật phân chia mạnh mẽ theo các quy luật phi địa đới như tại Khu BTTN Ngọc Linh. Sự phân hóa mạnh mẽ về hình thái địa hình phát sinh, kết hợp với sự tác động của con người đã tạo

nên hệ thống cảnh quan tại khu vực lựa chọn khá đa dạng và phong phú. Đề tài nghiên cứu hướng tới mục tiêu đánh giá đặc điểm và biến đổi cảnh quan khu BTTN Ngọc Linh, tỉnh Kon Tum làm cơ sở đề xuất giải pháp và mô hình cho việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thực vật. Bằng phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp điều tra nhanh nông thôn (bao gồm 33 phiếu tham vấn cán bộ và người dân địa phương), phương pháp đánh giá CQ, đặc biệt là việc ứng dụng viễn thám và thiết bị không người lái (UAV) vào thành lập bản đồ cảnh quan. Dựa trên cơ sở phân tích các kết quả nghiên cứu thực địa, các tiêu chí của phiếu tham vấn đã xác định được hợp phần và các yếu tố thành tạo cảnh quan, đặc điểm cảnh quan và đặc điểm kinh tế xã hội khu vực nghiên cứu và bản đồ cảnh quan nhân sinh tỉ lệ 1/50000. Với những kết quả đó đề tài đã đóng góp và hoàn thiện việc thành lập bản đồ và đánh giá cảnh quan tại Khu BTTN Ngọc Linh.

Từ khóa: cảnh quan, đa dạng, phân hóa, UAV, Ngọc Linh.

Research on landscape characteristics to serve the conservation of natural resources of Ngoc Linh Nature Reserve based on remote sensing

*Student: Pham Viet Thanh,
K61 Geography*

*Supervisors: Prof. Dr Nguyen Dang Hoi,
Vietnam - Russia Tropical Centre
MS. Ngo Trung Dung,
Vietnam - Russia Tropical Centre*

Landscape assessment is an important element for the rational use of land and forest resources, especially in tropical forest areas, where there are diverse natural conditions and different types of fecal vegetation. strongly divided by non-zonal laws such as Ngoc Linh Nature Reserve. The strong differentiation of arising terrain patterns, combined with human influence, has created the landscape system in the selected area is quite diverse and plentiful. The research topic aims to assess the characteristics and landscape changes of Ngoc Linh Nature Reserve, Kon Tum Province as a basis for proposing solutions and models for the use and protection of plant resources. By field survey method, rural quick survey method (including 33 questionnaires of officials and local people), landscape assessment method, especially the application of remote sensing and unmanned equipment Drive (UAV) on landscape mapping. Based on the analysis of the field research results, the criteria of the consultation have identified the components and elements of landscape formation, landscape characteristics and socio-economic characteristics of the study area. Research and map of human landscape scale 1/50000. With these results, the project has contributed and completed the mapping and landscape assessment in Ngoc Linh Nature Reserve.

Keywords: Landscape, diversity, differentiation, UAV, Ngoc Linh.



Ứng dụng phương pháp hồi quy tuyến tính có trọng số trong nghiên cứu xói lở bờ biển Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

*Sinh viên: Đinh Nguyễn Anh Tuấn,
K62 Địa lý Tự nhiên
GVHD: TS. Ngô Văn Liêm,
Khoa Địa Lý*

Tóm tắt: Xói lở và bồi tụ của bờ biển ảnh hưởng đến phần lớn các bờ biển trên toàn thế giới. Sự thay đổi đường bờ dài hạn và ngắn hạn có liên quan đến các yếu tố khác nhau như cung cấp

trầm tích, thủy động lực học của môi trường gần bờ, quá trình địa mạo cửa sông,... ảnh hưởng đến kinh tế của người dân. Vì thế phân tích và hiểu biết về sự thay đổi đường bờ biển và xu hướng bồi đắp / xói lở rất quan trọng đối với các nhà khoa học và các nhà quản lý trong việc định hướng và quyết định liên quan đến quy hoạch ven biển. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính có trọng số để xác định tốc độ biến động bờ biển ở khu vực Chân Mây, thuộc xã Vĩnh Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế trong khoảng thời gian từ 1965-2019. Công đoạn hiệu chỉnh bản đồ, ảnh vệ tinh và xử lý dữ liệu được thực hiện bằng phần mềm viễn thám và nguồn dữ liệu ảnh miễn phí từ Google Earth. Kết quả cho thấy đường bờ ngoài luôn bị biến động theo mùa trong các năm khác nhau, còn đường bờ trong thì ít biến động. Biến động mạnh nhất là khu vực phía nam bãi biển, nơi đang có những tác động mạnh mẽ của con người trong việc xây dựng cảng và khu kinh tế Chân Mây.

Từ khóa: Xói lở bờ biển, biến động đường bờ, hồi quy tuyến tính, GIS, Thừa Thiên Huế

Application of Weighted Linear Regression method in the study of coastal erosion in Chan May area, Loc Vinh commune, Phu Loc district, Thua Thien Hue province

*Student: Dinh Nguyen Anh Tuan,
K62 Geography*

*Supervisor: Dr. Ngo Van Liem,
Faculty of Geography*

Abstract: Coastal erosion and accretion affects most of the coastline in the world. Coastal erosion is a result of human activities and natural environment changes making the coastal dynamic action (wave, current, wind) lose balance in the coastal process, affecting people's economy. Therefore, analysis and understanding of shoreline changes and accretion/erosion trends are important for scientists and managers in the orientation and decisions related to coastal planning. This study uses weighted linear regression method to determine the speed of shoreline change in Chan May area, Vinh Loc commune, Phu Loc district, Thua Thien Hue province from 1965-2019. Editing of topographic maps, satellite images and data processing is done by remote sensing software and free image data source from Google Earth. The results show that the shoreline is subject to seasonal change in different years, while the coastline is little change. The most change area is south of the beach, where strong human impacts are being made in the construction of the Chan May port and economic zone.

Keyword: Coastal erosion, shoreline change, weighted linear regressions, GIS, Thua Thien Hue



Nghiên cứu xác định các điểm hiện trạng trượt lở đất bằng phân tích viễn thám và GIS: trường hợp huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum

*Sinh viên: Lê Đức Trung, K62 Địa lý
GVHD: TS. Ngô Văn Liêm, Khoa Địa Lý*

Tóm tắt: Trượt lở đất là sự di chuyển của khối đất xuống chân sườn dốc do tác động trực tiếp của trọng lực. Trượt lở đất là một quá trình địa mạo có thể xảy ra vào bất kỳ thời gian nào và ở hầu hết các sườn dốc của bề mặt Trái đất. Trượt lở đất được phân vào nhóm tai biến tự nhiên nguy hiểm nhất gây những tác động nghiêm trọng đến môi trường và con người. Nghiên cứu này nhằm xác định và chính xác hóa các vị trí trượt lở đất đã từng xảy ra trên cơ sở phân tích các tài liệu viễn thám đa thời gian và các công cụ GIS. Đây là bước đầu tiên và là dữ liệu đầu vào quan

trọng bậc nhất trong các mô hình nghiên cứu, đánh giá trượt lở đất; đặc biệt là các phương pháp học máy. Hiệu quả của nghiên cứu được áp dụng thí điểm cho khu vực huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum; một khu vực miền núi, thường xuyên xảy ra các trận trượt lở đất và gây những ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và đời sống của nhân dân trong khu vực.

Từ khóa: Trượt lở đất, viễn thám, GIS, Kon Tum

Study to identify current landslide by remote sensing and GIS analysis: A case study at Tu Mo Rong district, Kon Tum province

*Student: Le Duc Trung,
K62 Physical Geography
Supervisor: Dr. Ngo Van Liem,
Faculty of Geography*

Abstract: A landslide is defined as the movement of a mass of rock, debris, or earth down a slope due to the direct effect of gravity. Landslides are a geomorphic process that can occur at any time and on most slopes of the Earth's surface. Landslides are categorized as the most dangerous natural hazards causing serious impacts on the environment and people. This study aims to identify and correct historic landslides base on remote sensing data and GIS tools. This is the first step and the most important input data in the models of landslide research and assessment; especially machine learning methods. The effectiveness of the study is applied to the pilot area of Tu Mo Rong district, Kon Tum province; a mountainous area where landslides often occur and have a great impact on the environment and life of the people in this area.

Keywords: Landslide, remote sensing, GIS, Kon Tum



Theo dõi động lực hình thái sông sử dụng ảnh vệ tinh đa thời gian và công nghệ GIS

*Sinh viên: Lê Đức Trung, K62 Địa lý Tự nhiên
Phạm Việt Anh, K63 Khoa học Thông tin Địa không gian
Giáo viên hướng dẫn: TS. Vũ Phương Lan, ThS. Phạm Văn Mạnh, Khoa Địa lý*

Tóm tắt: Động lực dòng sông là sự xuất hiện tự nhiên của các dòng sông với những ảnh hưởng từ sự tác động của con người và các yếu tố khí hậu. Trong bài báo này, một chuỗi ảnh vệ tinh Landsat (MSS, TM, OLI) được sử dụng để phát hiện xói lở, bồi tụ và các vị trí không thay đổi dọc theo Sông Hồng, sông dài nhất chảy qua khu vực Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 1975 – 2019. Công nghệ viễn thám và GIS được xử lý tự động và thủ công áp dụng để trực quan hóa và định lượng các thay đổi hình thái Sông Hồng theo không gian và thời gian. Kết quả cho thấy, sự thay đổi xói lở, bồi tụ trong thời gian nghiên cứu đã được theo dõi và định lượng. Việc uốn khúc và thay đổi dòng chảy cũng được minh họa. Kết quả cũng cho thấy từ năm 1975 đến 2019, tổng lượng xói lở bờ sông là 3.739 ha, với tỷ lệ 84 ha/năm và tổng diện tích bồi tụ là 2.804 ha, với tỷ lệ 63 ha/năm. Việc tích hợp dữ liệu viễn thám với GIS cung cấp một cách tiếp cận hiệu quả trong phân tích định lượng biến đổi theo không gian và thời gian của dòng sông.

Từ khóa: Dữ liệu viễn thám, Công nghệ GIS, Landsat, Động lực dòng sông, Sông Hồng.

Monitoring river morphological dynamics using multi-temporal image and GIS techniques

*Student(s): Le Duc Trung, K62 Geography
Pham Viet Anh, K63 Geospatial Information Science
Supervisor(s): Dr. Vu Phuong Lan; Msc. Pham Van Manh, Faculty of Geography*

Abstract: River morphological dynamics are natural occurrences of rivers due to the impacts of climatic factors and human modifications. In this paper, a series of Landsat satellite images (MSS, TM, OLI) is used to detect erosion, accretion and unchanged locations along the Red River, the longest river flowing through Hanoi over the period from 1975 to 2019. Manual and automatic digital processing procedures and GIS technologies were applied to visualize and quantify the spatial and temporal of Red River morphological changes. The results show that erosion, accretion changes over the study period were monitored and quantified. Meandering and flow change of the Red River are also illustrated. The results also showed that from 1975 to 2019, the total amount of riverbank erosion is 3,739 ha, at the rate of 84 ha/year and the total accretion area is 2804 ha, at the rate of 63 ha/year. The integration of remote-sensing and GIS provides an efficient and economical quantitative spatial and temporal analysis of river morphological changes.

Keywords: Remote sensing data, GIS techniques, Landsat, River dynamics, Red River.